

**DRC-NĂM GIỮ**

**DRC**

**THÔNG TIN CỔ PHIẾU**  
(ngày 18/04/2022)

Sàn giao dịch	HOSE
Thị giá (đồng)	37.500
Vốn hoá (tỷ đồng)	4.454
KLGD bình quân 15p	1.893.000
% sở hữu nước ngoài	9,1 %
Giá mục tiêu	40.300

**CHUYÊN VIÊN PHÂN TÍCH**

Nguyễn Thị Thu Hằng  
[ntthang-hcm@vcbs.com.vn](mailto:ntthang-hcm@vcbs.com.vn)  
+84-38200 751(ext 640)

**Triển vọng 2022:**

- Sản lượng tiêu thụ kỳ vọng tăng trưởng nhờ nhu cầu thị trường tốt sau dịch và hưởng lợi từ đối thủ tại 3 thị trường xuất khẩu chính là Brazil, Mỹ và Malaysia bị áp Thuế CBPG. Thị trường Brazil tăng trưởng ổn định hơn, tại thị trường Mỹ gia tăng sự cạnh tranh lớp từ Thái Lan có nguồn gốc từ Trung Quốc hơn so với 2 năm trước đây.
- Biên lợi nhuận gộp lớp radial tiếp tục xu hướng tăng.
- GD 3 tăng công suất lên 67% dự kiến khởi công năm 2022, lắp đặt MMTB trong 2023 và chính thức vận hành vào 2024.

**Dự phóng 2022:** chúng tôi dự phóng DTT và LNST đạt 5.083,9 tỷ đồng (+ 16,1% yoy) và 324 tỷ đồng (+ 11,4% yoy), tương đương EPS 2022 là 2.727 đồng/cp, tương ứng mức P/E 2022 là 12,9x lần với giá định như sau: (1) sản lượng radial tiêu thụ đạt 718.229 lớp (+ 18% yoy) và bias đạt 788.953 chiếc (+4,0% yoy), (2) giá bán trung bình radial tăng 5% và bias tăng 3-5,5% tùy sản phẩm và (3) biên lợi nhuận gộp đạt mức 16,8%, giảm 0,3% sv 2021 do cơ cấu sản phẩm và giá NVL trong xu hướng tăng.

**Rủi ro: nguyên vật liệu đầu vào tăng cao**

Rủi ro giảm đối với khuyến nghị của chúng tôi bao gồm sản lượng tiêu thụ thấp hơn dự kiến tại thị trường XK.

Giá nguyên vật liệu như cao su thiên nhiên, cao su tổng hợp và hóa chất tăng cao. (tỷ trọng lần lượt ~ 40%, 15% và 20% giá vốn hàng bán). Đặc biệt sự tăng giá của cao su tự nhiên khi rủi ro Trung Quốc phục hồi sau đại dịch khiến nhu cầu cao su tăng mạnh trong khi nguồn cung còn hạn chế.

Chi phí vận tải tăng cao buộc DRC tăng giá bán dẫn đến sụt giảm sức cạnh tranh với đối thủ tại nước ngoài. Tại thị trường XK DRC gặp khó khăn trong việc tăng giá bán hơn tại nội địa.

**Khuyến nghị:**

Tại mức giá 37.500 đồng/cp, DRC đang được giao dịch với P/E năm 2022 là 13,7x lần. Chúng tôi khuyến nghị **NĂM GIỮ** đối với cổ phiếu DRC với giá mục tiêu **40.300 đồng/cp** (upside 7,5%).

## CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH

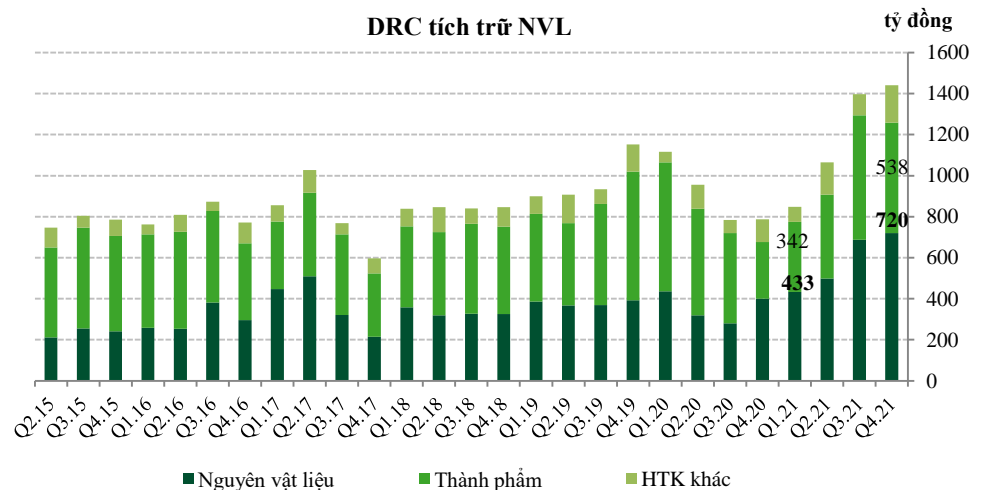
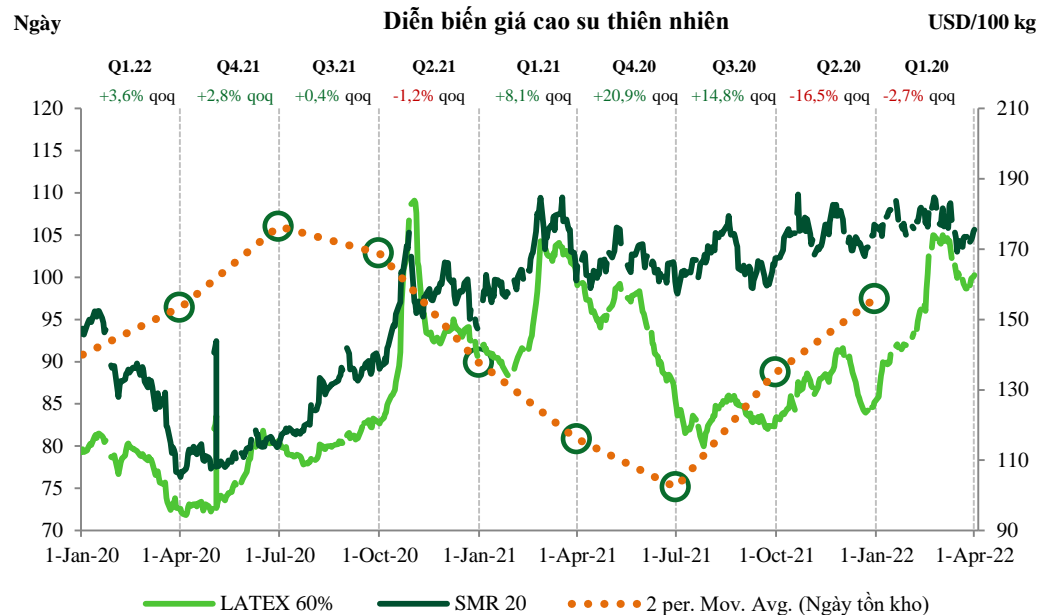
### Diễn biến giá nguyên vật liệu:

### DRC tích trữ hàng tồn kho

Thời gian tồn kho bình quân của DRC tăng mạnh từ cuối Q2.2021 từ 75 ngày lên mức cao 97 ngày với giá trị 720 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 50%/tổng giá trị tồn kho vào cuối Q4.2021 (thành phẩm ~37% và HTK khác ~13%). Diễn biến giá cao su SMR 20 trái chiều với giá của Latex. Các hãng lớp chủ yếu sử dụng mủ SMR10-20, SVR10 có diễn biến giá tương đồng với mủ SMR20.

Từ giữa năm ngoái DRC đã tích cực tích trữ hàng tồn kho khi giá cao su thiên nhiên vẫn biến động trong khung 1.610-1.850 USD/tấn. Đây là giải pháp ngắn hạn của DRC nhằm duy trì biên lãi gộp nhằm tránh tình trạng tăng giá NVL. Trong năm 2022 tiếp tục kéo dài trước thêm dự báo hồi phục của Trung Quốc sẽ ảnh hưởng đến giá cao su tự nhiên tiếp tục tăng cao trong 1H.2022.

NVL của DRC trữ đủ cho 1 quý sản xuất. Do đó khả năng cao giá nguyên vật liệu cao sẽ có phần ảnh tiêu cực lên biên lợi nhuận quý tiếp theo của công ty



Nguồn: Bloomberg, DRC, Vcbs tổng hợp

**Sản lượng lớp Radial và Bias đều tiêu thụ tốt (tăng trưởng tương ứng 20% và 14% yoy)**

**KQKD 2021:** DTT tăng trưởng 20,1% chủ yếu nhờ cả Radial và Bias đều tăng trưởng cao tương ứng 25% và 26% yoy. DTT đạt 4.379,5 tỷ đồng và LNST đạt 290,8 tỷ đồng (+13,5%). Biên lợi nhuận gộp cải thiện nhẹ 17,1% sv mức 16,4% của năm ngoài. Do diễn biến trái ngược nhau giữa 2 mảng lớp, biên lớp radial tăng 5 điểm % lên 16,1% trong khi lớp bias lại giảm 6,7% đạt mức 18,4%.

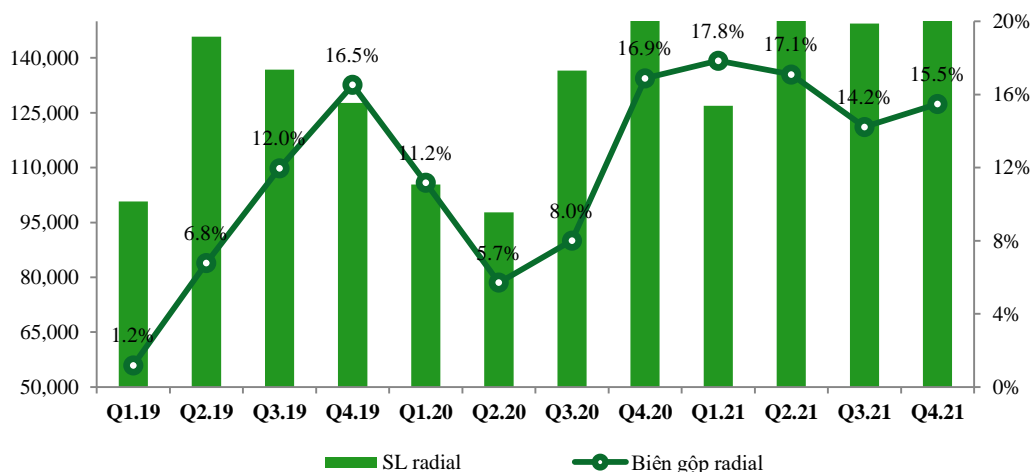
**Thị trường nội địa:** do các đợt phong tỏa do dịch Covid 19 và giãn cách xã hội nên sản lượng radial và bias không có thay đổi nhiều. Cụ thể, SL radial giảm 0,2% và bias tăng nhẹ 4,8% so với năm 2021.

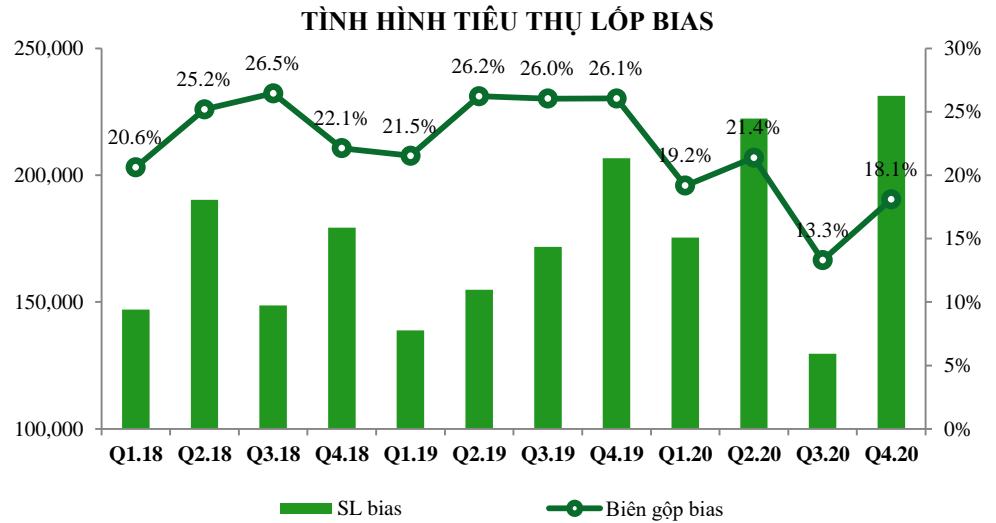
**Về thị trường XK:** năm 2021 DRC xuất khẩu khá tốt tỷ trọng tăng từ 46%/tổng DTT năm 2021 lên mức 53% chủ yếu từ gia tăng tại thị trường Châu Mỹ. Chia theo địa lý thì cả sản lượng lớp Radial và Bias đều ổn định. **Chính phần tăng trưởng XK lớp Radial và Bias đóng góp vào tăng trưởng của DRC trong năm 2021.** Cụ thể:

Sản lượng Radial xuất khẩu tăng trưởng 26%, **tăng hơn 100 ngàn lớp** sv năm ngoài. Sản lượng lớp Bias xuất khẩu tăng trưởng 32%, **tăng gần 64 ngàn lớp**.

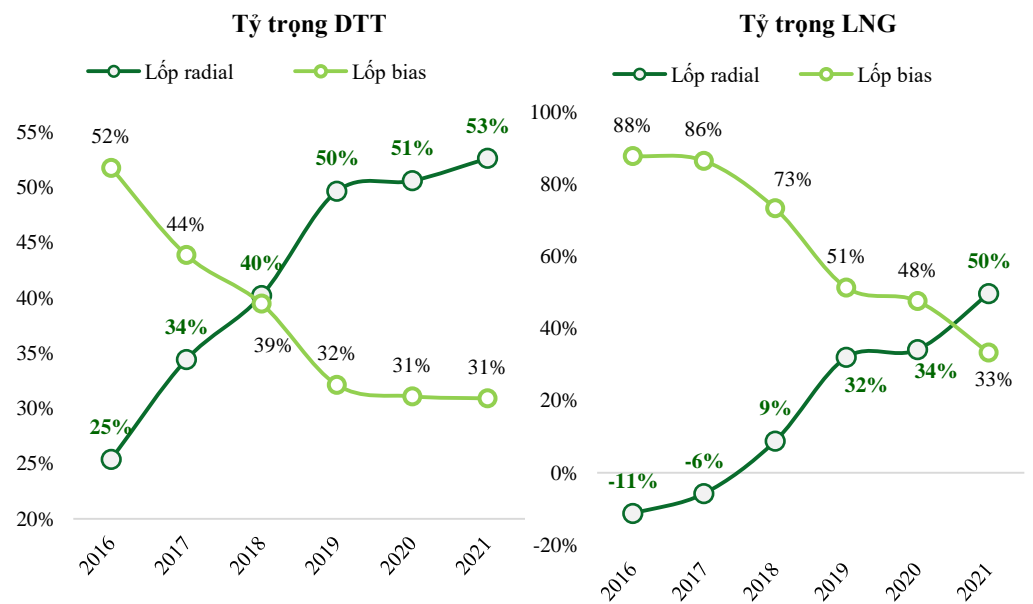
- ❖ **Lớp Radial:** DTT tăng trưởng cao 24,9% đạt 2.305 tỷ đồng chủ yếu nhờ vào sản lượng tăng mạnh 19,8% yoy vượt công suất thiết kế 1% đạt gần 607 ngàn lớp. Bình quân giá bán tăng 4,3% trong khi giá thành giảm 1,6% yoy do giúp biên gộp radial tăng 5 điểm %, đạt mức 16,1%. Nguyên nhân nhờ DRC bán hàng ở mức toàn dụng công suất, trong khi khấu hao cho NM Radial ĐĐ 1-2 đã gần hết giúp DRC tiết kiệm được ~ 100 tỷ chi phí khấu hao mỗi năm.
- ❖ **Lớp Bias:** DTT tăng trưởng tích cực đạt 18,1% chủ yếu nhờ dòng lớp bias tài nhẹ tăng cao 26%. Sản lượng bias tăng 12,8% yoy đạt 758,5 ngàn lớp. Biên gộp giảm 6,7 điểm % do biên gộp của lớp bias giảm khá mạnh với giá bán tăng chỉ 4,6% yoy trong khi giá thành bình quân tăng đến 16,1%.

**TÌNH HÌNH TIÊU THỤ LỚP RADIAL**





**Tỷ trọng:**



*Nguồn: DRC, Vcbs tổng hợp*

**Năm 2021 tiêu thụ khá ấn tượng khi đây là năm đầu tiên lốp Radial tiêu thụ vượt công suất 600.000 lốp trong khi tình hình dịch Covid 19 có nhiều diễn biến phức tạp.**

Nguyên nhân chủ yếu nhờ nhu cầu tiêu thụ tại nội địa và các thị trường XK chính như Brazil và Mỹ đều phục hồi tốt sau dịch Covid 19.

Xuất khẩu: tại thị trường Brazil DRC được hưởng lợi trực tiếp nhờ các đối thủ lớn như Trung Quốc và Thái Lan bị áp Thuế CBPG.

Nhu cầu đối với lốp Bias trên thị trường toàn cầu đang giảm dần dẫn đến nguồn cung giảm mạnh hơn nguồn cầu. Đây là điểm thuận lợi đối với DRC khi nhà máy sản xuất lốp bias đã hết khấu hao dẫn đến chi phí sản xuất sẽ giảm từ đó thúc đẩy tăng trưởng thị phần xuất khẩu hơn nữa, đặc biệt là các nước có cơ sở hạ tầng kém phát triển như Trung Đông, Myanmar và Lào.

## MỘT SỐ THÔNG TIN KHÁC

**Nhà máy Radial GD 3: tăng công suất lên 67% sv công suất hiện hữu, dự kiến 2024 vận hành chính thức**

**GD 3: nâng công suất hiện hữu từ 600.000 lớp/năm lên 1.000.000 lớp năm.** Tổng mức đầu tư là 916 tỷ đồng trong đó chủ yếu là chi phí cho máy móc thiết bị chiếm 62%.

**Hết khấu hao NM Radial GD 1 từ tháng 08/2020 giúp DRC tiết kiệm ~ 80 tỷ đồng/năm.** Nhà máy Radial của DRC khi xây dựng đã xây dựng cho đủ cả 3 GD với tổng công suất thiết kế là 1 triệu lớp từ đầu và DRC đã chọn phương pháp khấu hao nhanh. Các GD 2 và 3 chủ yếu đầu tư chính là máy móc thiết bị nên suất đầu tư cho các GD sau thấp hơn rất nhiều.

	Đơn vị	GD 1-2	GD 3
CSTK	Lớp/năm	600,000	400,000
Tổng VĐT	Tỷ đồng	2,167	916
Suất đầu tư	Tỷ/100.000 lớp	3.6	2.3

*Nguồn: DRC, VCBS tổng hợp*

**GD 3 dự kiến khởi công trong tháng 06/2022 và phần MMTB sẽ được hoàn chỉnh lắp đặt vào 2023.** Như vậy, dự kiến đến 2024 DRC mới có thể chính thức nâng công suất lên 1 triệu lớp/năm. Các GD mở rộng thường sẽ nhanh hơn so với GD đầu rất nhiều.

**Tuy nhiên trong thời gian đó DRC có thể vận hành công suất 800.000 lớp/năm (vượt 33% CSTK cũ) nhờ đưa trước một phần của GD 3 vào hoạt động vào cuối năm 2022.** Theo dự tính 40% công suất mới (160.000 lớp) dành cho thị trường nội địa và 60% CS mới (240.000 lớp) dành cho thị trường XK.

### KQKD Q1.2022 ước tính

**Theo ước tính của DRC, Q1.2022, DTT đạt 1.350 tỷ đồng (+35% yoy), LNTT đạt 82 tỷ đồng (+3% yoy).** Chúng tôi cho rằng DTT tăng trưởng đến từ thị trường XK là chính tuy nhiên do các chi phí NVL tăng và có độ trễ so với mức tăng giá bán đầu ra của DRC (trong tháng 04/2022 DRC tăng giá bán 5-7% tùy sản phẩm). Ngoài ra CP vận chuyển cũng tăng. DRC khó có thể chuyển phần lớn các chi phí này sang người mua nên lợi nhuận sẽ bị ảnh hưởng.

**Tỷ trọng DT trong Q1.22:** thị trường XK tăng cao chiếm 57%, nội địa chiếm 43%, so với năm ngoái tỷ trọng cân bằng 50-50. Do biên gộp của thị trường XK thấp hơn nội địa rất nhiều nên DT tăng trưởng cao từ XK không đảm bảo LN sẽ tăng trưởng theo.

**DRC tiếp tục đặt kế hoạch thận trọng trong Q2 với Kế hoạch Q2.2022, DTT đạt 1.255 tỷ đồng (+ 4% yoy) và LNTT đạt 80 tỷ đồng (-40% yoy)**

### KH 2022

**DRC đặt KH khá an toàn với DTT và LNTT tăng nhẹ 1% và thấp hơn 12% so với kết quả đạt được của năm 2021.** Sản lượng lớp Radial và Bias tương đương hoặc thấp hơn so với năm ngoái. Cụ thể:

	Đơn vị	2021	KH 2022	% yoy
DT	tỷ đồng	4,379	4,428	1%
LNST	tỷ đồng	291	256	-12%
SL lớp radial	cái	608,669	600,000	-1%
SL lớp bias	cái	715,000	650,000	-9%

*Nguồn: DRC, VCBS tổng hợp*

**Phân phối LN 2021:**

Cổ tức năm 2021: tỷ lệ 17%, trong đó đã chia 5%, còn lại 12%. DRC luôn cố gắng duy trì mức chia cổ tức tiền mặt tối thiểu là ~ 70% mức LN làm ra của DN trong nhiều năm qua.

## QUAN ĐIỂM ĐẦU TƯ

### NĂM GIỮ

#### Triển vọng 2022:

**Nội địa:** trong dài hạn chúng tôi kỳ vọng xu hướng chuyển từ sử dụng lốp bias sang lốp radial của lốp xe tải và xe bus sẽ ngày càng gia tăng. Xu hướng radial hóa tại thị trường nội địa sẽ đảm bảo lợi nhuận ổn định và bền vững cho DRC.

**XK:** chúng tôi kỳ vọng thị trường XK tiếp tục tăng trưởng 20-25% nhờ vào Brazil và Mỹ. Thị trường Brazil sẽ tăng trưởng ổn định hơn nhờ Thuế CBPG với lốp Thái Lan. Tại Mỹ là 1 thị trường lớn mặc dù vẫn có cơ hội tăng trưởng nhưng sẽ ít hơn giai đoạn năm 2019-2020 do lốp có nguồn gốc từ Trung Quốc dịch chuyển từ Trung Quốc sang Thái Lan và Mỹ chưa áp Thuế CBPG lốp từ Thái Lan. Chi phí vận chuyển lốp từ Thái Lan sang Mỹ thấp hơn nhiều so với lốp từ Việt Nam sẽ làm giảm khả năng cạnh tranh của DRC tại thị trường này.

**Về mặt tiêu thụ:** Tăng trưởng đến từ các thị trường XK chính của DRC như Mỹ, Brazil kỳ vọng phục hồi tốt sau dịch nhờ vào tỷ lệ tiêu dùng cao. DRC tiếp tục hưởng lợi từ chính sách Thuế so với các đối thủ và gia tăng thị phần của mình. Tuy nhiên với chi phí vận chuyển tăng cao như hiện tại thì chúng tôi đánh giá XK nhiệm vụ sẽ giúp DRC giải quyết bài toán công suất, còn về hiệu quả lợi nhuận thì thấp hơn thị trường nội địa rất nhiều.

Chúng tôi kỳ vọng DRC tiêu thụ 718.229 lốp radial (+18% yoy) và 788.953 lốp bias chung (+4,0% yoy). Như vậy, DTT 2022 ước đạt 5.084 tỷ đồng (+16,1% yoy).

	2020	2021	2022F	2023F
SL Radial	508,197	608,669	718,229	790,052
% yoy	-0.5%	19.8%	18.0%	10.0%
SL Bias	672,175	758,548	788,953	808,403
% yoy	1.0%	12.8%	4.0%	2.5%
Biên gộp Radial	11.1%	16.1%	16.5%	17.0%
Biên gộp Bias	25.2%	18.4%	17.8%	17.5%

**Biên lợi nhuận gộp:** kỳ vọng đạt 16,8%, giảm sv. mức 17,1% của năm ngoái do giá NVL đầu vào tăng cao trong khi khả năng chuyển chi phí sang cho người tiêu dùng của DRC thấp hơn. DRC có khả năng giá tăng giá bán tại nội địa cao hơn do bán hàng cho nhà phân phối là chính, trong khi tại thị trường XK với CP vận chuyển gia tăng thì nhà nhập khẩu sẽ xem xét có chấp nhận mức tăng giá của DRC so với các hãng lốp thay thế khác hay không.

Chúng tôi giả định CP BH và QLDN chiếm tỷ trọng 8,6%/DTT (2021: 8,4%) do CP vận chuyển lốp XK tăng do tỷ trọng XK tăng.

Như vậy, LNST DRC ước tính đạt 324 tỷ đồng, EPS 2022 đạt 2.727 đồng/cp, tương ứng P/E đạt mức 12,9x lần.

Chúng tôi khuyến nghị **NĂM GIỮ** đối với mã DRC với mức giá **40.300 đồng/cp**.

Chiết khấu theo FCFF:		2022P	2023P	2024P	2025P
EBITAT (NOPAT)	334,679	372,638	400,742	409,940	422,661
Khấu hao	118,490	122,495	126,491	123,446	117,809
Thay đổi vốn lưu động	3,696	(61,323)	(40,622)	(42,861)	(53,852)
Đầu tư tài sản cố định	(103,679)	(256,509)	(103,360)	(31,250)	(20,379)
<b>FCFF</b>	<b>369,824</b>	<b>185,654</b>	<b>401,304</b>	<b>480,911</b>	<b>488,202</b>
Giá trị hiện tại của FCFF	346,175	158,498	312,463	341,515	316,202
Tăng trưởng dài hạn	0.5%				
Hiện giá của dòng tiền tự do (FCFF)	1,474,853				
Hiện giá của giá trị năm cuối cùng (Terminal value)	3,475,555				
Hiện giá của FCF và TV	4,950,408				
Cộng: Tiền	409,621				
Trừ: Nợ vay	(573,818)				
Giá trị vốn cổ phần	<b>4,792,281</b>				
SLCP lưu hành (triệu cổ phiếu)	119				
<b>Giá trị mỗi cổ phiếu (VND)</b>	<b>40,342</b>				

Chi phí sử dụng vốn	
Beta	0.81
Rf	3.1%
Equity Risk Premium	7.8%
Cost of equity	9.4%
Cost of debt before tax	9.0%
Tax rate	20.0%
Long term growth rate (g)	0.5%
<b>WACC</b>	<b>9.6%</b>

## Phụ lục:

BC KẾT QUẢ KINH DOANH	2021A	2022P	2023P	2024P	2025P	2026P
Doanh thu	4,380	5,084	5,415	5,631	5,850	6,126
GVHB	3,632	4,228	4,500	4,680	4,870	5,108
<b>LN gộp</b>	<b>747</b>	<b>856</b>	<b>915</b>	<b>951</b>	<b>980</b>	<b>1,018</b>
CP BH & QLDN	368	437	449	450	468	490
Thu nhập/(Chi phí) hoạt động khác	(1)	-	-	-	-	-
<b>EBIT</b>	<b>378</b>	<b>418</b>	<b>466</b>	<b>501</b>	<b>512</b>	<b>528</b>
Doanh thu tài chính	37	68	45	17	27	48
Chi phí tài chính	9	37	23	10	6	5
Thu nhập/(Chi phí) khác	42	44	46	48	51	53
Lợi nhuận từ liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-	-
LNTT	364	405	442	459	482	518
Thuế TNDN	73	81	88	92	96	104
<b>LNST</b>	<b>291</b>	<b>324</b>	<b>354</b>	<b>367</b>	<b>385</b>	<b>415</b>
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-
LNST cổ đông CT mẹ	291	324	354	367	385	415

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2021A	2022P	2023P	2024P	2025P	2026P
Tiền và các khoản tương đương tiền	410	495	108	113	241	402
Khoản phải thu	208	279	297	309	321	336
Hàng tồn kho	1,429	1,409	1,500	1,560	1,623	1,703
Chi phí trả trước	47	102	108	113	117	123
Tài sản ngắn hạn khác	20	20	20	20	20	20
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>2,114</b>	<b>2,305</b>	<b>2,033</b>	<b>2,114</b>	<b>2,322</b>	<b>2,583</b>
Tài sản cố định	975	961	1,095	1,072	979	882
Đầu tư liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-	-
Tài sản dở dang dài hạn	0	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	46	53	57	59	62	64
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>1,022</b>	<b>1,014</b>	<b>1,152</b>	<b>1,131</b>	<b>1,041</b>	<b>947</b>
<b>Tổng tài sản</b>	<b>3,136</b>	<b>3,319</b>	<b>3,185</b>	<b>3,244</b>	<b>3,363</b>	<b>3,529</b>
Nợ ngắn hạn	1,004	1,336	1,103	1,059	1,068	1,118
Nợ dài hạn	549	138	159	182	206	232
<b>Nợ phải trả</b>	<b>1,362</b>	<b>1,474</b>	<b>1,262</b>	<b>1,241</b>	<b>1,274</b>	<b>1,350</b>
Vốn cổ phần & thặng dư vốn	1,188	1,188	1,188	1,188	1,188	1,188
CP quỹ	-	-	-	-	-	-
LN giữ lại & quỹ khác	586	657	735	816	901	992
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>1,774</b>	<b>1,845</b>	<b>1,923</b>	<b>2,004</b>	<b>2,089</b>	<b>2,180</b>



## ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG

Báo cáo này và/hoặc bất kỳ nhận định, thông tin nào trong báo cáo này không phải là các lời chào mua hay bán bất kỳ một sản phẩm tài chính, chứng khoán nào được phân tích trong báo cáo và cũng không là sản phẩm tư vấn đầu tư hay ý kiến tư vấn đầu tư nào của VCBS hay các đơn vị/thành viên liên quan đến VCBS. Do đó, nhà đầu tư chỉ nên coi báo cáo này là một nguồn tham khảo. VCBS không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trước những kết quả ngoài ý muốn khi quý khách sử dụng các thông tin trên để kinh doanh chứng khoán.

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo phân tích đều đã được thu thập, đánh giá với mức cẩn trọng tối đa có thể. Tuy nhiên, do các nguyên nhân chủ quan và khách quan từ các nguồn thông tin công bố, VCBS không đảm bảo về tính xác thực của các thông tin được đề cập trong báo cáo phân tích cũng như không có nghĩa vụ phải cập nhật những thông tin trong báo cáo sau thời điểm báo cáo này được phát hành.

Báo cáo này thuộc bản quyền của VCBS. Mọi hành động sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung báo cáo và/hoặc xuất bản mà không có sự cho phép bằng văn bản của VCBS đều bị nghiêm cấm.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

**Trần Minh Hoàng**  
Trưởng phòng Phân tích Nghiên cứu  
[tmhoang@vcbs.com.vn](mailto:tmhoang@vcbs.com.vn)

**Lê Đức Quang**  
Trưởng nhóm Phòng PT  
[ldquang@vcbs.com.vn](mailto:ldquang@vcbs.com.vn)

**Nguyễn Thị Thu Hằng**  
Chuyên viên phân tích  
[ntthang-hcm@vcbs.com.vn](mailto:ntthang-hcm@vcbs.com.vn)

## CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VIETCOMBANK

<http://www.vcbs.com.vn>

<b>Trụ sở chính Hà Nội</b>	Tầng 12 & 17, Tòa nhà Vietcombank, số 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội ĐT: (84-4) -393675- Số máy lẻ: 18/19/20
<b>Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>	Lầu 1 & 7, Tòa nhà Green Star, số 70 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh ĐT: (84-8)-38200799 - Số máy lẻ: 104/106
<b>Chi nhánh Đà Nẵng</b>	Tầng 12, số 135 Nguyễn Văn Linh, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Đà Nẵng ĐT: (84-511) -33888991 - Số máy lẻ: 12/13
<b>Chi nhánh Cần Thơ</b>	Tầng 1, Tòa nhà Vietcombank Cần Thơ, số 7 Hòa Bình, Quận Ninh Kiều, Cần Thơ ĐT: (84-710) -3750888
<b>Phòng Giao dịch Phú Mỹ Hưng</b>	Toà nhà Lawrence Sting, số 801 Nguyễn Lương Bằng, KĐT Phú Mỹ Hưng, Q. 7, TP. Hồ Chí Minh ĐT: (84-8)-54136573
<b>Phòng Giao dịch Giảng Võ</b>	Tầng 1, Tòa nhà C4 Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Hà Nội. ĐT: (+84-4) 3726 5551
<b>Văn phòng Đại diện An Giang</b>	Tầng 6, Tòa nhà Nguyễn Huệ, số 9/9 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Xuyên, Long Xuyên, An Giang ĐT: (84-76) -3949841
<b>Văn phòng Đại diện Đồng Nai</b>	F240-F241 Đường Võ Thị Sáu, Khu phố 7, Phường Thống Nhất, TP. Biên Hoà, Đồng Nai ĐT: (84-61)-3918812
<b>Văn phòng đại diện Vũng Tàu</b>	Tầng trệt, số 27 Đường Lê Lợi, TP. Vũng Tàu, Bà Rịa - Vũng Tàu ĐT: (84-64)-3513974/75/76/77/78
<b>Văn phòng đại diện Hải Phòng</b>	Tầng 2, số 11 Hoàng Diệu, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng Tel: (+84-31) 382 1630